

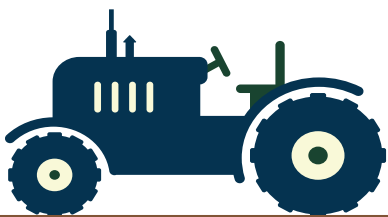


TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG MƯỜI VÀ 10 THÁNG NĂM 2024

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu tính đến 20/10/2024 (so với cùng kỳ năm trước)



1.540,9 nghìn ha

▼ 0,1%

Lúa mùa

710,7 nghìn ha

▲ 2,6%

Lúa thu đông vùng ĐBSCL

53,0

nghìn ha

▲ 7,7%

Ngô

7,2

nghìn ha

▲ 2,0%

Khoai lang

3,5

nghìn ha

▲ 5,5%

Lạc

1,7

nghìn ha

▼ 5,6%

Đậu tương

77,0

nghìn ha

▲ 7,5%

Rau đậu

Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 10/2024 so với cùng thời điểm năm trước

▼ 3,4%



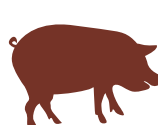
Trâu

▼ 0,5%



Bò

▲ 2,4%



Lợn

▲ 2,6%



Gia cầm

Sản lượng thủy sản 10 tháng năm 2024

Nuôi trồng

4.612,5

nghìn tấn

▲ 3,8%

TỔNG SỐ

7.889,8

nghìn tấn

▲ 2,5%

Khai thác

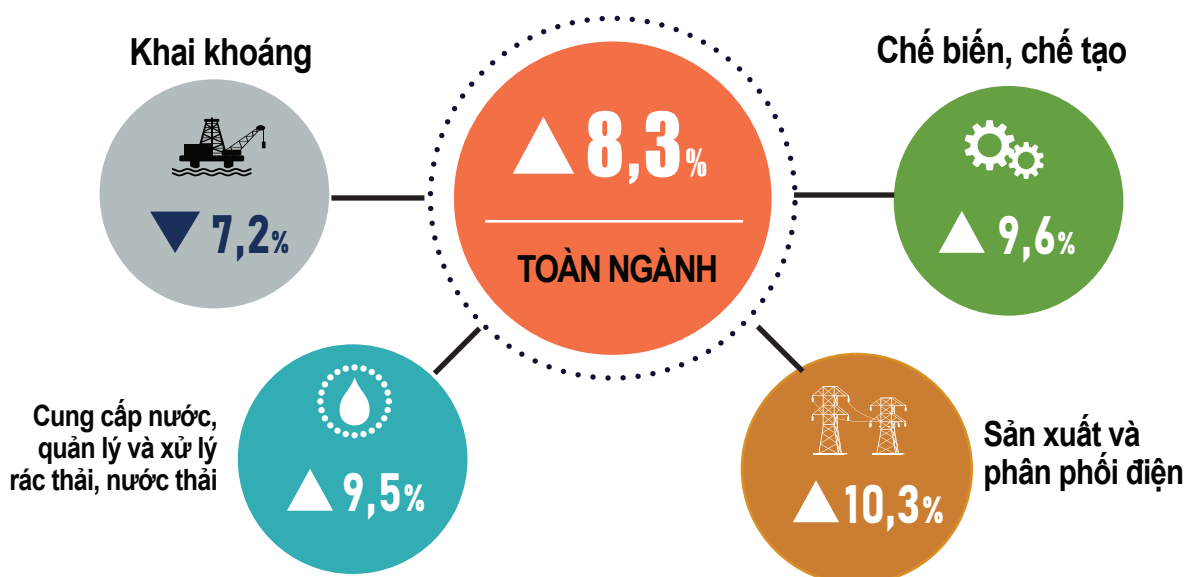
3.277,3

nghìn tấn

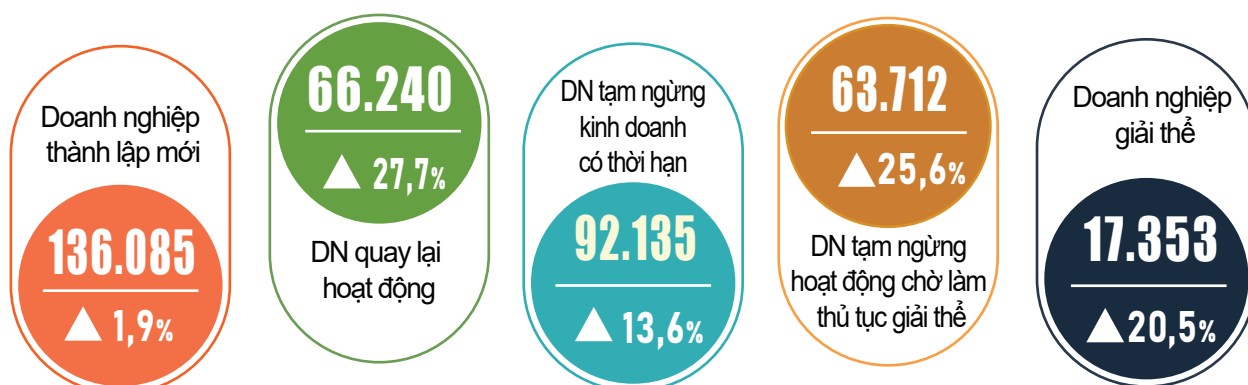
▲ 0,6%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 10 THÁNG NĂM 2024

Tốc độ tăng Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước

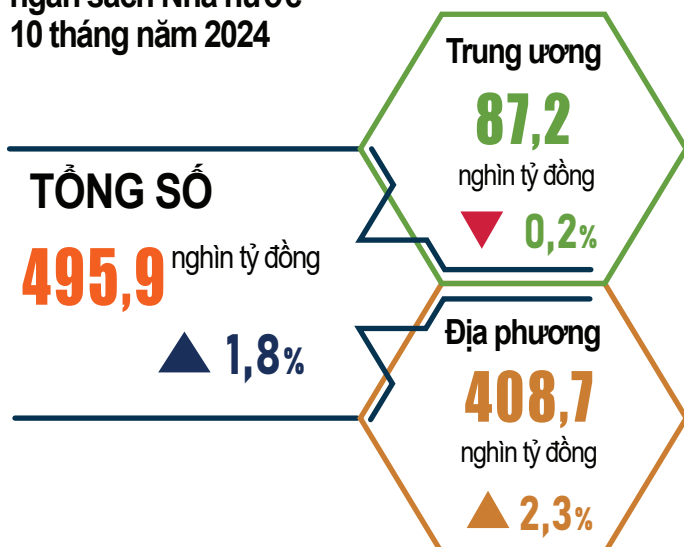


TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 10 THÁNG NĂM 2024

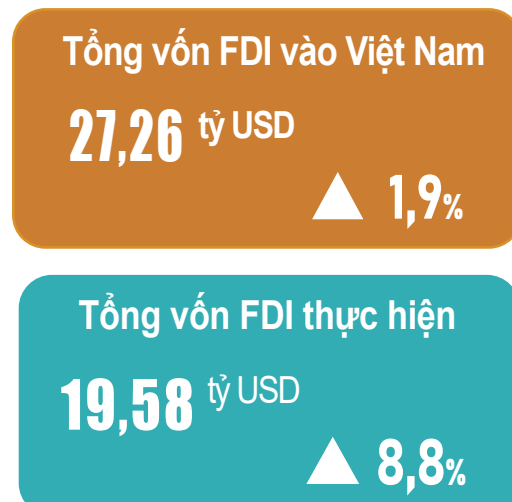


HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

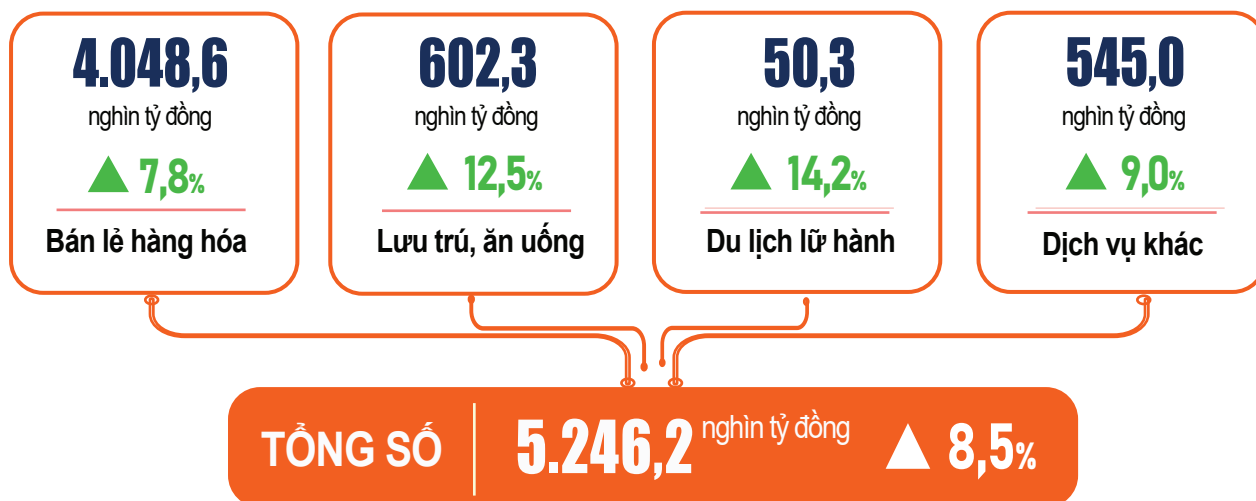
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2024



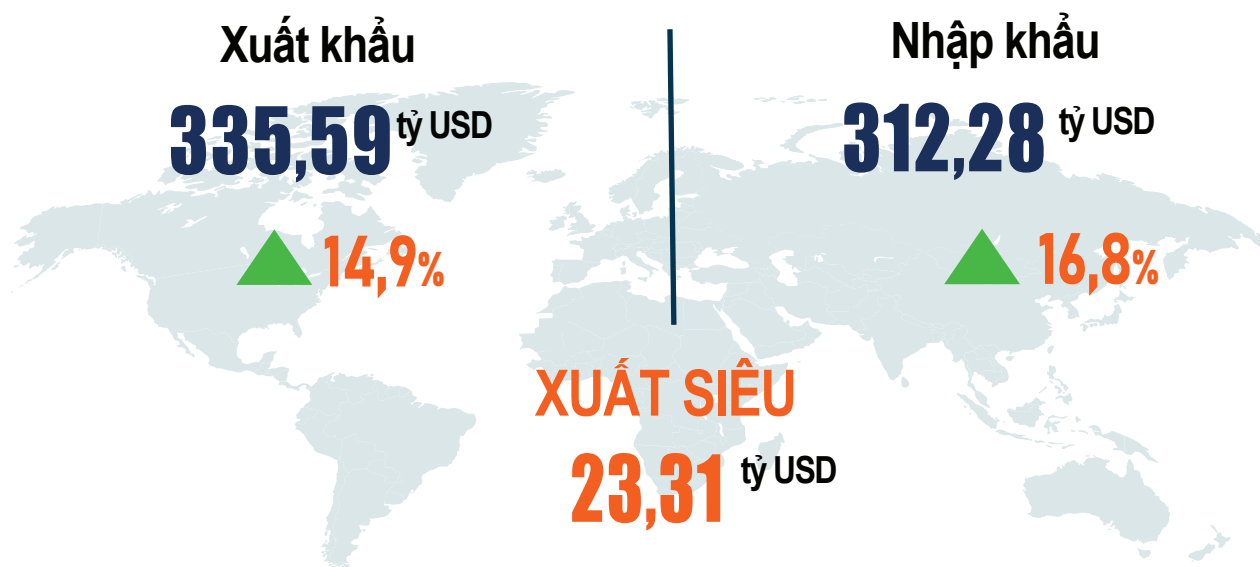
Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam từ 01/01 đến 31/10/2024



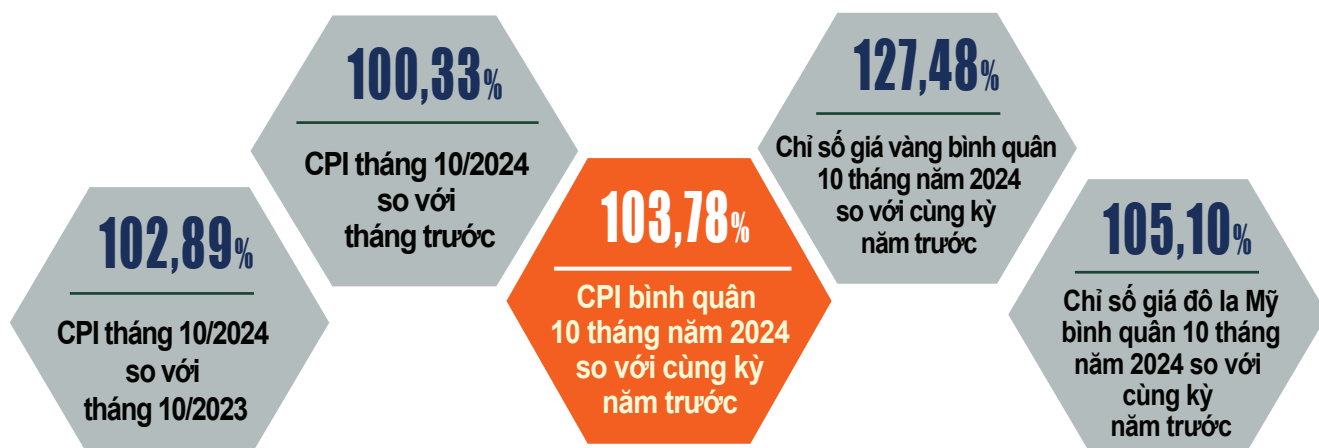
TỔNG MỨC BÁN LẺ HH VÀ DOANH THU DV TIÊU DÙNG 10 THÁNG NĂM 2024



XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 10 THÁNG NĂM 2024



CHỈ SỐ GIÁ



VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA 10 THÁNG NĂM 2024

Vận tải hành khách

Vận chuyển

4.136,6 triệu lượt khách ▲ 8,1%



Luân chuyển

227,0 tỷ khách.km ▲ 11,6%

Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

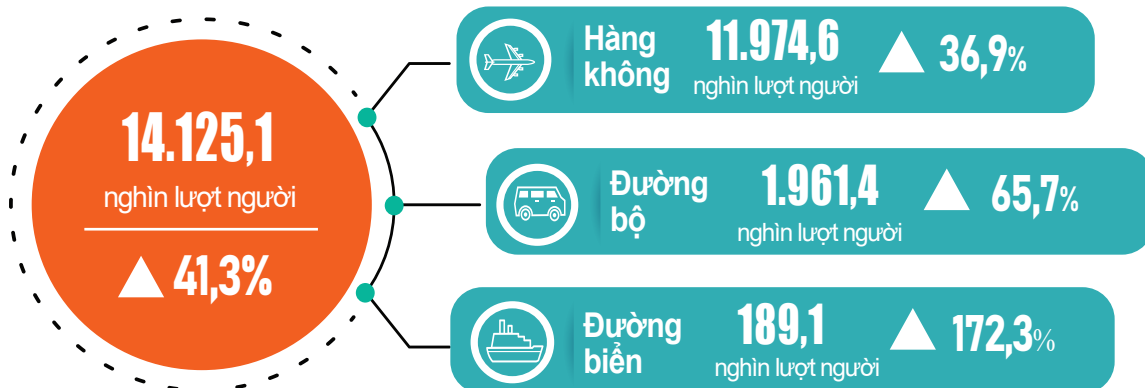
2.176,2 triệu tấn ▲ 14,3%



Luân chuyển

443,3 tỷ tấn.km ▲ 11,0%

KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM 10 THÁNG NĂM 2024



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)

Châu Á

11.256,8

▲ 45,2%

Châu Âu

1.576,4

▲ 40,6%

Châu Mỹ

812,8

▲ 8,7%

Châu Úc

436,3

▲ 24,1%

Châu Phi

42,8

▲ 84,8%

TAI NẠN GIAO THÔNG 10 THÁNG NĂM 2024

Số vụ tai nạn

19.513

Bình quân 1 ngày

64

Vụ

Số người chết

8.990

Bình quân 1 ngày

30

người

Số người bị thương

14.505

Bình quân 1 ngày

48

người